

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 19/2019/DS – ST

Ngày: 16 – 7 – 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Ông M Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị M - Kiểm sát viên

Ngày 16/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2019/TLST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST – DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 6, xã Lộc Thới, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lộc Thới, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bản lấy lời khai, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Trước đây bà M có cho bà Lê Thị Ngọc H vay số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Khi cho vay chỉ cho một mình anh em bà H vay tiền. Hai bên đã gia hạn nhiều lần đến ngày 01/12/2018 thì viết lại giấy mượn tiền mới. Thỏa thuận thời hạn trả là 5 tháng (từ tháng 01/12/2018 cho đến ngày 01/05/2019), khi cho vay thì thỏa thuận lãi suất là 2.000.000đ / 1 tháng / 45.000.000đ. Từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018, bà H không trả lãi cho bà M nên còn nợ lại 6.000.000đ tiền lãi chưa trả. Hai bên có viết giấy mượn tiền vào ngày 01/12/2018 và bà H ký tên, nội dung bà H có mượn của

bà M số tiền 45.000.000đ thêm 6.000.000đ tiền lãi. Tính từ ngày 01/12/2018 cho đến nay, bà H vẫn chưa trả cho bà M tiền lãi và tiền gốc. Trong đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả cho bà M số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 9/2018 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 4,45%/ 1 tháng tạm tính là 18.000.000đ. Nay tại phiên tòa bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà M số tiền gốc là 45.000.000đ, và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 20%/ 1 năm tính từ ngày 01/9/2018 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, bên bản lý khai, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà H thừa nhận là có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền là 45.000.000đ, khi vay chỉ một mình bà H vay, vay tiền vào tháng 11/2017, do cứ 6 tháng viết lại giấy nợ một lần nên giấy mượn tiền ngày 01/12/2018 là giấy vay tiền cuối cùng. Khi vay tiền vào tháng 11/2017, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 1 năm, thỏa thuận tiền lãi là 6.000.000đ/ 1 tháng/ 45.000.000đ. Bà H đã trả lãi đến tháng 11/2018 tổng cộng là 72.000.000đ. Khi trả tiền chỉ đưa tiền cho bà M, không có làm giấy tờ nào cũng không có ai làm chứng. Khi viết giấy mượn tiền ngày 01/12/2018 thì bà H chỉ còn nợ của bà M số tiền gốc 45.000.000đ, chứ không có nợ 6.000.000đ tiền lãi. Dòng chữ ghi “cộng thêm 6 triệu đồng tiền lãi” nghĩa là hai bên thỏa thuận tiền lãi là 6.000.000đ/ 1 tháng, chứ không phải là còn nợ lại 6.000.000đ tiền lãi. Hiện nay bà H vẫn còn nợ của bà M số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến nay. Nay tại phiên tòa bà H đồng ý trả cho bà M số tiền gốc 45.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H trả cho bà M số tiền gốc 45.000.000đ, chỉ chấp nhận số tiền lãi theo lãi suất 10%/ 1 năm tính từ ngày 01/12/2018 cho đến nay. Nguyên đơn, Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghị án cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H trả cho bà M số tiền vay và tiền lãi. Xét thấy đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn là bà H cư trú tại xã Lộc Thái (trước đây ở xã Lộc Thiện), huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H trả số tiền gốc là 45.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và bà H thống nhất bà H có vay của bà M số tiền 45.000.000đ, hai bên có viết giấy mượn tiền ngày 01/12/2018 với nội dung bà H có mượn của bà M số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn trả là 05 tháng từ ngày 01/12/2018 đến 01/5/2019. Bà H thừa nhận đến nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng do kinh tế khó khăn vẫn chưa trả cho bà M số tiền gốc. Tại phiên tòa bà H đồng ý trả cho bà M số tiền gốc 45.000.000đ.

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 45.000.000đ là tiền nợ gốc.

[3] Về tiền lãi: Bà M và bà H thừa nhận khi vay tiền có thỏa thuận tiền lãi, tuy nhiên lời khai giữa hai bên có mâu thuẫn với nhau. Bà H trình bày khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 6.000.000đ/ 1 tháng/ 45.000.000đ, bà đã trả tiền lãi từ tháng 11/2017 đến tháng 11/2018 tổng cộng là 72.000.000đ. Còn bà M trình bày khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000.000đ/1 tháng/45.000.000đ, bà H đã trả 6.000.000đ, nhưng vào thời gian nào thì bà không nhớ được. Bà M và bà H đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh về lãi suất và số tiền lãi đã trả. Do các bên tranh chấp về lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được xác định 10%/ 1 năm tại thời điểm trả nợ.

Và bà M và bà H cũng tranh chấp về thời điểm vay tiền, và cũng không ai đưa ra được chứng cứ chứng minh về thời điểm vay tiền, nhưng các đương sự đều thỏa thuận từ ngày 01/12/2018 cho đến nay thì bà H chưa trả tiền lãi cho bà M, nên căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/12/2018, Hội đồng xét xử xác định thời điểm vay để tính lãi là từ ngày 01/12/2018.

Từ những nhận định trên, xét thấy bà M yêu cầu bà H trả số tiền lãi theo lãi suất 20%/ 1 năm tính từ 01/9/2018 cho đến nay là 7.625.000đ, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về tiền lãi, yêu cầu bà H trả cho bà M số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/12/2018 đến khi Tòa án giải quyết vụ án là 07 tháng 15 ngày cụ thể:

$$\text{Tiền lãi} = 45.000.000\text{đ} \times 10\%/1 \text{ năm} \times 7 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 2.801.250\text{đ}$$

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5]. Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của mình không được chấp nhận. Như vậy bà H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.390.000đ. Bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 117, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H trả cho bà M số tiền 47.801.250đ (Bốn mươi bảy triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm năm trăm đồng) trong đó 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) là tiền gốc và 2.801.250đ (Hai triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm năm trăm đồng) là tiền lãi.

2. Về án phí Buộc bà H phải chịu 2.390.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp, sau khi khấu trừ bà M được nhận lại số tiền 1.275.000đ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000218 ngày 27/5/2019.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án (ngày 16/7/2019) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, Hng th áng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

